

**BẢNG TỔNG HỢP TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ NHÀ TRƯỜNG MUA SẴM
NĂM HỌC 2021-2022**

ĐVT: nghìn đồng

STT	Các nội dung cần mua sắm tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến	Thành tiền dự kiến	Ghi chú
I	Chi cho chuyên môn, nghiệp vụ				94,500	
1	Trang thiết bị Văn phòng				65,000	
1.1	Thay thế, sửa chữa trang thiết bị điều hòa tại các phòng làm việc	Bộ	2	6,000	12,000	
1.2	Mua bộ sung máy tính để bàn cho cán bộ	Bộ	1	15,000	15,000	
1.3	Mua bộ sung máy in cho cán bộ	Bộ	1	10,000	10,000	
1.4	Thay thế bộ sung bàn, ghế làm việc cho cán bộ	Bộ	1	8,000	8,000	
1.5	Mua bộ sung, thay thế các trang thiết bị khác	Gói	1	20,000	20,000	
2	Tài liệu giáo trình				1,200	
2.1	Các tài liệu về đầu tư xây dựng, đấu thầu, quản lý, mua sắm tài sản...	Cuốn	10	120	1,200	
3	Văn phòng phẩm, Bảo hộ lao động				28,300	
3.1	Văn phòng phẩm	Người	29	200	5,800	Theo QC CTNB
3.2	Bảo hộ lao động	Người	9	2,500	22,500	Theo QC CTNB
Tổng cộng:					122,800	

Nghệ An, ngày 11 tháng 11 năm 2021

TRƯỜNG ĐƠN VỊ



Trần Đình Luân

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phan Thị Thu Hiền

**BẢNG TỔNG HỢP TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ NHÀ TRƯỜNG MUA SẴM
NĂM HỌC 2021-2022**

ĐVT: nghìn đồng

STT	Các nội dung cần mua sắm tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến	Thành tiền dự kiến	Ghi chú
I	Chi mua sắm tài sản phục vụ đào tạo và các hoạt động khác				7,880,000	
1	Mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo và các hoạt động khác				5,200,000	
1.1	Mua sắm vật liệu điện để sửa chữa thường xuyên	Gói	4	120,000	480,000	
1.2	Mua sắm máy bơm, thiết bị nước để thay thế, sửa chữa thường xuyên	Gói	3	50,000	150,000	
1.3	Mua sắm bộ sung điều hòa nhiệt độ để thay thế trong toàn trường	Bộ	50	12,000	600,000	
1.4	Mua bộ sung, lắp đặt máy lọc nước tại các cơ sở	Bộ	25	20,000	500,000	
1.6	Mua sắm máy tính để bàn cấp cho các đơn vị cá nhân trong Trường	Bộ	50	12,000	600,000	
1.7	Mua sắm máy tính xách tay cấp cho các đơn vị cá nhân trong Trường	Bộ	40	15,000	600,000	
1.8	Mua sắm máy in các loại cấp cho các đơn vị cá nhân trong Trường	Bộ	50	6,000	300,000	
1.9	Mua sắm máy chiếu thay thế các phòng học, phòng họp	Bộ	50	25,000	1,250,000	
1.10	Mua sắm màn chiếu các loại thay thế tại các phòng học	Cái	60	2,000	120,000	
1.11	Mua sắm thiết bị âm thanh lắp đặt, thay thế tại các phòng học	Bộ	30	10,000	300,000	
1.12	Mua sắm phụ kiện để thay thế, lắp đặt máy chiếu, âm thanh...	Gói	2	150,000	300,000	

2	Chi phí mua sắm đồ gỗ, sửa chữa thiết bị phục vụ học tập					1,420,000
2.1	Mua sắm bàn, ghế, bảng từ phục vụ học tập theo tiếp cận CDIO	Gói	1	250,000		250,000
2.2	Sửa chữa, sơn tĩnh điện khung, thay thế mặt bàn, ghế tại các phòng học	Cái	600	700		420,000
2.3	Mua sắm bàn, ghế văn phòng, tủ đựng tài liệu để thay thế và cấp mới theo yêu cầu của các đơn vị	Bộ	50	15,000		750,000
3	Chi phí trồng mới, cải tạo cây xanh, cảnh quan môi trường					520,000
3.1	Trồng bổ sung cây xanh tại khuôn viên cơ sở I	Cây	50	5,000		250,000
3.3	Mua bổ sung cây cảnh trang trí, cắt tỉa cây xanh tại các cơ sở	Gói	3	50,000		150,000
3.4	Mua bổ sung trang thiết bị vận chuyển, thu gom rác thải	Gói	1	120,000		120,000
4	Chi phí mua bổ sung trang thiết bị, lập phương án PCCC-PCBL					740,000
4.1	Mua bổ sung trang thiết bị PCCC để thay thế tại các cơ sở	Gói	1	200,000		200,000
4.2	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ PCBL	Gói	1	50,000		50,000
4.3	Xây dựng phương án, thực hành diễn tập công tác PCCC	Phương án	5	8,000		40,000
4.4	Hợp đồng Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc	Gói	5	90,000		450,000
4.5	Bảo trì bảo dưỡng hệ thống PCCC các công trình	Tòa nhà	3	150,000		450,000
Tổng cộng:						7,880,000

Nghệ An, ngày 11 tháng 11 năm 2021

TRƯỞNG ĐƠN VỊ


Trần Đình Luân

NGƯỜI LẬP BIỂU


Phan Thị Thu Hiền